

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG NINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 38/2026/QĐ-CTUBND

Quảng Ninh, ngày 08 tháng 5 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy chế quản lý hòa giải viên lao động trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15;

Căn cứ Bộ Luật Lao động số 45/2019/QH14;

Căn cứ Nghị định số 145/2020/NĐ-CP của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Bộ luật Lao động về điều kiện lao động và quan hệ lao động;

Căn cứ Nghị định số 129/2025/NĐ-CP của Chính phủ Quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Nội vụ;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nội vụ tại Tờ trình số 231/TTr-SNV ngày 27 tháng 4 năm 2026; Báo cáo thẩm định số 136/BC-STP ngày 22 tháng 4 năm 2026 của Sở Tư pháp;

Chủ tịch Ủy ban nhân dân ban hành Quyết định Ban hành Quy chế quản lý hòa giải viên lao động trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh.

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế quản lý hòa giải viên lao động trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 20 tháng 5 năm 2026.

Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật được dẫn chiếu tại Quyết định này được sửa đổi, bổ sung, thay thế thì áp dụng theo các văn bản quy phạm pháp luật sửa đổi, bổ sung, thay thế.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân; Giám đốc, Thủ trưởng các sở, ban, ngành; Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã, phường, đặc khu; các hòa giải viên lao động trên địa bàn tỉnh và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

(Đã ký)

Nguyễn Thị Hạnh

**CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

QUY CHẾ

Quản lý hòa giải viên lao động trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh
(Kèm theo Quyết định số: 38/2026/QĐ-CTUBND)

Chương I NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh: Quy chế này quy định về quản lý hòa giải viên lao động trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh.
2. Đối tượng áp dụng:
 - a) Hòa giải viên lao động được Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh bổ nhiệm;
 - b) Sở Nội vụ;
 - c) Ủy ban nhân dân xã, phường, đặc khu;
 - d) Các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan.

Điều 2. Nguyên tắc quản lý

1. Quản lý thống nhất trên phạm vi toàn tỉnh Quảng Ninh.
2. Thực hiện phân cấp gắn với chức năng, nhiệm vụ của các cơ quan, đơn vị để bảo đảm tính chủ động thực hiện nhiệm vụ.
3. Bảo đảm công khai, minh bạch, nâng cao hiệu quả hoạt động của hòa giải viên lao động.
4. Tuân thủ các quy định của pháp luật và các quy định của cơ quan có thẩm quyền.

Chương II QUẢN LÝ HÒA GIẢI VIÊN LAO ĐỘNG

Điều 3. Tuyển chọn, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, miễn nhiệm hòa giải viên lao động

1. Hòa giải viên lao động được tuyển chọn theo kế hoạch hằng năm do Sở Nội vụ trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt.
2. Bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, miễn nhiệm hòa giải viên lao động
 - a) Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, miễn nhiệm hòa giải viên lao động trên cơ sở đề xuất của Giám đốc Sở Nội vụ.
 - b) Trình tự, thủ tục bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, miễn nhiệm hòa giải viên lao động thực hiện theo quy định tại Điều 73, Điều 74 Nghị định số 129/2025/NĐ-CP quy định

về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Nội vụ.

Điều 4. Phân cấp thẩm quyền quản lý hoạt động của hòa giải viên lao động trên địa bàn tỉnh

1. Sở Nội vụ thực hiện quản lý hoạt động của hòa giải viên lao động do Sở Nội vụ đề xuất tuyển chọn được Chủ tịch Ủy ban nhân tỉnh bổ nhiệm theo quy định tại khoản 3 Điều 97 Nghị định số 145/2020/NĐ-CP quy định chi tiết thi hành một số điều của Bộ luật Lao động về điều kiện lao động và quan hệ lao động.

2. Ủy ban nhân dân xã, phường, đặc khu thực hiện quản lý hoạt động của hòa giải viên lao động do Ủy ban nhân dân xã, phường, đặc khu đề xuất tuyển chọn được Chủ tịch Ủy ban nhân tỉnh bổ nhiệm theo quy định tại khoản 2 Điều 76 Nghị định số 129/2025/NĐ-CP.

Ủy ban nhân dân xã, phường, đặc khu có thể uỷ quyền cho Trưởng phòng chuyên môn thực hiện nhiệm vụ về lĩnh vực nội vụ thực hiện quản lý hoạt động của hòa giải viên lao động thuộc thẩm quyền quản lý.

Điều 5. Thẩm quyền, trình tự, thủ tục cử hòa giải viên lao động

1. Sở Nội vụ hoặc Ủy ban nhân dân xã, phường, đặc khu thực hiện việc cử hòa giải viên lao động theo quy định tại khoản 1 Điều 95 Nghị định số 145/2020/NĐ-CP.

2. Trình tự, thủ tục cử hòa giải viên lao động theo quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều 95 Nghị định số 145/2020/NĐ-CP, được sửa đổi bổ sung tại khoản 2, khoản 3 Điều 75 Nghị định số 129/2025/NĐ-CP.

Điều 6. Phạm vi hoạt động của hòa giải viên lao động

1. Hòa giải viên lao động thuộc Sở Nội vụ quản lý có phạm vi hoạt động trên địa bàn toàn tỉnh; được phân công theo dõi, hỗ trợ phát triển quan hệ lao động, giải quyết tranh chấp lao động, tranh chấp về hợp đồng đào tạo nghề theo đề nghị của xã, phường, đặc khu, cơ quan, tổ chức.

2. Hòa giải viên lao động thuộc Ủy ban nhân dân xã, phường, đặc khu quản lý có phạm vi hoạt động trên địa bàn xã, phường, đặc khu đó; được phân công theo dõi, hỗ trợ phát triển quan hệ lao động, giải quyết tranh chấp lao động, tranh chấp về hợp đồng đào tạo nghề xảy ra trên địa bàn.

Điều 7. Nguyên tắc hòa giải của hòa giải viên lao động

1. Đảm bảo nguyên tắc tự nguyện, tôn trọng sự thỏa thuận, thống nhất của các bên; không được ép buộc các bên thỏa thuận, thống nhất trái với ý chí của họ.

2. Bảo đảm bình đẳng về quyền và nghĩa vụ giữa các bên.

3. Công khai, minh bạch, khách quan, kịp thời, nhanh chóng và đúng pháp luật.

4. Thỏa thuận hòa giải không được vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội, không nhằm trốn tránh nghĩa vụ với Nhà nước hoặc cơ quan, tổ chức,

cá nhân khác, không xâm phạm quyền, lợi ích hợp pháp của cơ quan, tổ chức, cá nhân khác.

5. Bảo mật thông tin, trừ trường hợp pháp luật quy định.

6. Hòa giải viên tiến hành hòa giải độc lập và tuân theo pháp luật; phương thức hòa giải được tiến hành linh hoạt, phù hợp với tình hình thực tế, đặc điểm của mỗi loại vụ việc.

7. Tiếng nói và chữ viết dùng trong hòa giải là tiếng Việt. Người tham gia hòa giải có quyền dùng tiếng nói, chữ viết của dân tộc mình; trường hợp này họ có thể tự bố trí hoặc đề nghị hòa giải viên bố trí phiên dịch cho mình.

Người tham gia hòa giải là người khuyết tật nghe, nói hoặc khuyết tật nhìn có quyền dùng ngôn ngữ, ký hiệu, chữ dành riêng cho người khuyết tật; trường hợp này phải có người biết ngôn ngữ, ký hiệu, chữ dành riêng cho người khuyết tật để dịch lại và họ cũng được coi là người phiên dịch.

8. Bảo đảm bình đẳng giới trong hòa giải.

Điều 8. Thực hiện chế độ báo cáo

1. Hòa giải viên lao động thuộc Sở Nội vụ quản lý thực hiện báo cáo từng vụ việc giải quyết về Sở Nội vụ sau 5 ngày giải quyết xong vụ việc; định kỳ (*trước ngày 10/12 hằng năm*), tổng hợp kết quả giải quyết cả năm báo cáo về Sở Nội vụ và báo cáo đột xuất theo yêu cầu.

2. Hòa giải viên lao động thuộc UBND xã, phường, đặc khu quản lý thực hiện báo cáo từng vụ việc giải quyết về UBND xã, phường, đặc khu sau 5 ngày giải quyết xong vụ việc và báo cáo đột xuất theo yêu cầu.

3. Định kỳ (*trước ngày 10/12 hằng năm*), Ủy ban nhân dân xã, phường, đặc khu tổng hợp tình hình hòa giải lao động trên địa bàn báo cáo về Sở Nội vụ và báo cáo đột xuất theo yêu cầu.

4. Định kỳ (*trước ngày 15/12 hằng năm*), Sở Nội vụ tổng hợp tình hình hoà giải lao động trên địa bàn toàn tỉnh, báo cáo Chủ tịch UBND tỉnh và Bộ Nội vụ và báo cáo đột xuất theo yêu cầu.

Chương III

ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ THỰC HIỆN NHIỆM VỤ CỦA HÒA GIẢI VIÊN LAO ĐỘNG

Điều 9. Tiêu chí đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ của hòa giải viên lao động

1. Tiêu chí đánh giá hòa giải viên lao động dựa trên cách thức, kết quả triển khai thực hiện nhiệm vụ, cụ thể như sau:

a) Tỷ lệ tổng số vụ việc tranh chấp lao động hòa giải viên lao động giải quyết/tổng số vụ việc tranh chấp lao động được phân công giải quyết trong năm.

b) Kết quả giải quyết (*hòa giải thành hoặc không thành*) gắn với cách thức triển khai giải quyết tranh chấp lao động của hòa giải viên lao động.

c) Hoạt động hỗ trợ phát triển quan hệ lao động của hòa giải viên lao động, kết quả đạt được.

d) Chấp hành phân công nhiệm vụ, quyền hạn, nghĩa vụ của hòa giải viên lao động theo Quy chế này và quy định của pháp luật.

đ) Những tiêu chí khác phù hợp với điều kiện thực tiễn tại địa phương.

2. Xác định mức độ hoàn thành nhiệm vụ theo 02 tiêu chí sau: hoàn thành nhiệm vụ, không hoàn thành nhiệm vụ.

Điều 10. Tiêu chí đánh giá hòa giải viên lao động hoàn thành nhiệm vụ

1. Chấp hành chủ trương đường lối, quy định của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước.

2. Chấp hành quyết định của Giám đốc Sở Nội vụ, Chủ tịch UBND xã, phường, đặc khu cử tham gia giải quyết tranh chấp lao động.

3. Tỷ lệ tổng số vụ việc tranh chấp lao động do hòa giải viên lao động giải quyết/tổng số vụ việc tranh chấp lao động được phân công giải quyết trong năm đạt từ 60% trở lên.

4. Hoạt động hỗ trợ phát triển quan hệ lao động của hòa giải viên lao động, kết quả đạt được.

Điều 11. Tiêu chí đánh giá hòa giải viên lao động không hoàn thành nhiệm vụ khi có một trong các tiêu chí sau:

1. Có hành vi vi phạm pháp luật làm phương hại đến lợi ích các bên hoặc lợi ích của Nhà nước khi thực hiện nhiệm vụ của hòa giải viên lao động theo quy định của pháp luật.

2. Tỷ lệ tổng số vụ việc tranh chấp lao động do hòa giải viên lao động giải quyết/tổng số vụ việc tranh chấp lao động được phân công giải quyết trong năm đạt dưới 60%.

3. Từ chối nhiệm vụ khi được cử tham gia giải quyết tranh chấp lao động hoặc hỗ trợ phát triển quan hệ lao động mà không có lý do chính đáng.

Trường hợp được coi là có lý do chính đáng bao gồm thiên tai, hỏa hoạn, bản thân, thân nhân bị ốm có xác nhận của cơ sở khám bệnh, chữa bệnh có thẩm quyền.

Điều 12. Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ của hòa giải viên lao động

1. Ủy ban nhân dân xã, phường, đặc khu có trách nhiệm đánh giá hoạt động và mức độ hoàn thành nhiệm vụ của hòa giải viên lao động thuộc thẩm quyền quản lý của địa phương và báo cáo Sở Nội vụ.

2. Sở Nội vụ có trách nhiệm đánh giá hoạt động và mức độ hoàn thành nhiệm vụ của hòa giải viên lao động thuộc thẩm quyền quản lý của Sở và tổng hợp báo cáo của Ủy ban nhân dân xã, phường, đặc khu để phân loại đánh giá hòa giải viên lao động trên địa bàn tỉnh.

Chương IV

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 13. Tổ chức thực hiện

1. Trách nhiệm của Sở Nội vụ:

a) Hằng năm, rà soát nhu cầu tuyển chọn, bổ nhiệm hòa giải viên lao động thuộc Ủy ban nhân dân cấp xã và của Sở Nội vụ để xây dựng kế hoạch chung của tỉnh, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt.

b) Tổng hợp tình hình hòa giải lao động trên địa bàn tỉnh báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh và Bộ Nội vụ.

c) Chủ trì, phối hợp với đơn vị chuyên môn của Bộ Nội vụ tổ chức tập huấn, bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ cho hòa giải viên lao động trên địa bàn.

d) Quản lý hòa giải viên lao động đã được Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh bổ nhiệm thuộc thẩm quyền quản lý.

đ) Công khai, cập nhật, đăng tải danh sách họ tên, địa bàn hoạt động, số điện thoại, địa chỉ liên hệ của hòa giải viên lao động trên Cổng thông tin điện tử của cơ quan và thông báo trên các phương tiện thông tin đại chúng tại địa phương để người lao động, người sử dụng lao động biết, liên hệ.

2. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân xã, phường, đặc khu

a) Chỉ đạo quản lý, rà soát, kiện toàn, xây dựng kế hoạch tuyển chọn, bổ nhiệm đội ngũ hòa giải viên lao động trên địa bàn bảo đảm đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ tại địa phương trong công tác hòa giải tranh chấp lao động. Lập kế hoạch nhu cầu tuyển chọn, bổ nhiệm hòa giải viên lao động thuộc thẩm quyền quản lý gửi Sở Nội vụ tổng hợp trước ngày 31 tháng 3 hằng năm.

b) Chỉ đạo phòng chuyên môn thực hiện nhiệm vụ về lĩnh vực nội vụ phối hợp chặt chẽ với các cơ quan, ban, ngành liên quan thực hiện công tác hòa giải theo quy định.

c) Quản lý hoà giải viên lao động đã được Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh bổ nhiệm thuộc thẩm quyền quản lý.

d) Cử hòa giải viên lao động tham gia các lớp tập huấn, bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ do Bộ Nội vụ, Sở Nội vụ tổ chức.

đ) Bố trí kinh phí, bảo đảm các điều kiện hoạt động của hòa giải viên lao động theo quy định của pháp luật.

e) Hằng năm, tổng hợp gửi báo cáo tình hình hòa giải lao động của địa phương về Sở Nội vụ để tổng hợp chung theo quy định tại khoản 3 Điều 8 Quy chế này.

g) Công khai, cập nhật, đăng tải danh sách họ tên, địa bàn hoạt động, số điện thoại, địa chỉ liên hệ của hòa giải viên lao động thuộc thẩm quyền quản lý trên Cổng thông tin điện tử của cơ quan và thông báo trên các phương tiện thông tin đại chúng tại địa phương để người lao động, người sử dụng lao động biết và liên hệ.

3. Quy chế này được quán triệt triển khai đến hòa giải viên lao động và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan trên địa bàn tỉnh. Trong quá trình tổ chức thực hiện, nếu có vướng mắc, đề nghị các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan, hòa giải viên lao động phản ánh về Sở Nội vụ để tổng hợp, báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, sửa đổi, bổ sung cho phù hợp./.